

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ	CHỮ	
				10%			30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)			1	1	(10)				
1	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	5	5	7	6.0	5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
2	1813719088	Phan Trọng Hoan	N18DLK1	7	6	8	7.0	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
3	1813719096	Bùi Quang Huy	N18DLK1	9	5	9	7.0	V	0.0	Không	HP+LP
4	1812719134	Nguyễn Hương Ly	N18DLK1	7	8	9	8.5	V	0.0	Không	HP+LP
5	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	9	6	9	7.5	5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
6	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	9	6	8	7.0	V	0.0	Không	LP
7	1812719017	Huỳnh Thị Bình	N18DLK2	8	6	9	7.5	V	0.0	Không	HP+LP
8	1813719018	Huỳnh Kim Cảnh	N18DLK2	7	7	9	8.0	5.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
9	1812719035	Nguyễn Thị Phương Dung	N18DLK2	3	3	8	5.5	V	0.0	Không	HP+LP
10	1813719105	Nguyễn Phú Khánh	N18DLK2	5	5	8	6.5	V	0.0	Không	HP+LP
11	1812719135	Đoàn Thị Như Mai	N18DLK2	9	6	9	7.5	V	0.0	Không	HP+LP
12	1812719148	Nguyễn Thị Yên Ngọc	N18DLK2	9	5	9	7.0	5.0	6.0	Sáu	
13	1812719210	Trần Thị Quỳnh	N18DLK2	8	7	10	8.5	V	0.0	Không	HP+LP
14	1813719239	Lê Xuân Thiện	N18DLK2	9	7	9	8.0	V	0.0	Không	HP+LP
15	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền Trâm	N18DLK2	9	10	10	10.0	5.4	7.1	Bảy phẩy Một	
16	1813719308	Trần Việt Viễn	N18DLK2	6	5	8	6.5	5.1	5.6	Năm phẩy Sáu	
17	1813719186	Lê Hồng Phúc	N18DLK3	5	5	7	6.0	5.2	5.4	Năm phẩy Bốn	
18	1812719275	Phạm Thị Trâm	N18DLK3	8	5	9	7.0	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
19	1812719273	Nguyễn Thị Bích Trâm	N18DLK3	7	6	9	7.5	5.0	6.0	Sáu	
20	1813719288	Nguyễn Nhật Trường	N18DLK3	7	6	8	7.0	V	0.0	Không	HP+LP
21	1813719079	Nguyễn Trung Hiếu	N18DLK4	9	7	8	7.5	5.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
22	1812719092	Trương Thị Khánh Hồng	N18DLK4	6	5	7	6.0	5.2	5.5	Năm phẩy Năm	
23	1813719136	Tôn Thất Mai	N18DLK4	9	6	8	7.0	5.1	6.1	Sáu phẩy Một	
24	1812719140	Dương Nhật My	N18DLK4	6	4	7	5.5	V	0.0	Không	HP+LP
25	1813719163	Lê Quang Nhật	N18DLK4	6	6	7	6.5	V	0.0	Không	HP+LP
26	1813719181	Hà Ngọc Huy Phong	N18DLK4	8	5	7	6.0	5.3	5.8	Năm phẩy Tám	
27	1813719182	Nguyễn Chí Phong	N18DLK4	6	5	6	5.5	V	0.0	Không	HP+LP
28	1813719225	Phạm Ngọc Bảo Tân	N18DLK4	10	4	9	6.5	5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
29	1812719260	Võ Thị Hà Tiên	N18DLK4	9	4	9	6.5	V	0.0	Không	HP+LP
30	1813719262	Nguyễn Đăng Trung Tín	N18DLK4	8	6	8	7.0	V	0.0	Không	LP
31	1813719029	Võ Văn Diệp	N18DLK5	5	3	8	5.5	V	0.0	Không	HP+LP
32	1813719070	Đinh Văn Hậu	N18DLK5	4	7	6	6.5	6.0	6.0	Sáu	
33	1813719075	Trương Thanh Hiền	N18DLK5	6	5	8	6.5	5.1	5.6	Năm phẩy Sáu	
34	1813719097	Phạm Lê Duy Hưng	N18DLK5	5	6	7	6.5	6.1	6.1	Sáu phẩy Một	
35	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài Thu	N18DLK5	9	6	7	6.5	6.1	6.5	Sáu phẩy Năm	
36	1812719251	Đào Trần Phương Thùy	N18DLK5	5	3	7	5.0	V	0.0	Không	HP+LP
37	1812719299	Hồ Lê Thị Thảo Uyên	N18DLK5	5	6	6	6.0	5.5	5.6	Năm phẩy Sáu	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ	CHỮ	
38	1812719009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	N18DLK6	6	4	7	5.5	V	0.0	Không	HP+LP
39	1812719055	Nguyễn Ngọc	Đúng	N18DLK6	6	5	6	5.5	5.1	5.3	Năm phẩy Ba	
40	1813719224	Vũ Đức	Tâm	N18DLK6	7	6	8	7.0	V	0.0	Không	HP+LP
41	1813719265	Đặng Thanh	Tĩnh	N18DLK6	6	6	8	7.0	V	0.0	Không	LP

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THÔNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	21	51%	
2	Số sinh viên nợ	20	49%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 05 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú